

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt bổ sung kinh phí quản lý, vận hành Trung tâm thu nhận số liệu, tính toán xử lý cảnh báo lũ ống, lũ quét và sạt lở đất tại các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa năm 2017.

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015:

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về việc: “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước”; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc: “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước”;

Căn cứ Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ về việc: “Quy định về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai”;

Căn cứ Công văn số 23/TWPCCTT ngày 06/4/2016 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai về việc: “Nâng cao năng lực, trang thiết bị và hoàn thiện thể chế Văn phòng thường trực Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh”;

Căn cứ Quyết định số 4763/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về: “Giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2017 của tỉnh Thanh Hóa”; Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc: “Thành lập Quỹ Phòng, chống thiên tai và ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa”;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa tại Công văn số 2234/STC-TCĐN ngày 05/6/2017 về việc: “Đề nghị phê duyệt quản lý, vận hành Trung tâm thu nhận số liệu, tính toán xử lý cảnh báo lũ ống, lũ quét và sạt lở đất tại các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa năm 2017” và đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa tại Công văn số 543/TTr-STNMT ngày 11/5/2017, kèm theo Biên bản họp ngày 01/6/2016 giữa Sở Tài chính – Ban quản lý Quỹ Bảo vệ phát triển rừng và phòng chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung kinh phí quản lý, vận hành Trung tâm thu nhận số liệu, tính toán xử lý cảnh báo lũ ống, lũ quét và sạt lở đất tại các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa năm 2017 để các ngành và các đơn vị có liên quan thực hiện; với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Dự toán kinh phí

1.1. Tổng dự toán (làm tròn số): 680.000.000,0 đồng (Sáu trăm tám mươi triệu đồng).

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo).

1.2. Nguồn kinh phí: Từ nguồn Quỹ phòng, chống thiên tai của tỉnh Thanh Hóa.

2. Mục tiêu: Quản lý, vận hành Trung tâm thu nhận số liệu, tính toán xử lý cảnh báo lũ ống, lũ quét và sạt lở đất tại các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa năm 2017 nhằm đạt hiệu quả cao, phục vụ tốt cho mùa mưa bão năm 2017, hạn chế những thiệt hại do lũ ống, lũ quét và sạt lở đất gây ra:...

3. Tổ chức thực hiện:

3.1. Sau khi có Quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh, giao Ban quản lý Quỹ Bảo vệ phát triển rừng và phòng chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa thực hiện các thủ tục chuyển kinh phí cho Chi cục Biển và Hải đảo tỉnh Thanh Hóa để thực hiện nhiệm được giao, đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

3.2. Chi cục Biển và Hải đảo tỉnh Thanh Hóa có trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ được cấp thẩm quyền giao; quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, nội dung, đối tượng, hiệu quả và thanh quyết toán theo đúng quy định.

3.3. Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý Quỹ Bảo vệ phát triển rừng và phòng chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn có trách nhiệm chủ động giải quyết các nội dung công việc liên quan đến ngành; hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện của Chi cục Biển và Hải đảo tỉnh Thanh Hóa theo đúng quy định.

Điều 2. Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa, Ban quản lý Quỹ Bảo vệ phát triển rừng và phòng chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa, Chi cục Biển và Hải đảo tỉnh Thanh Hóa, các ngành và các đơn vị liên quan căn cứ nội dung đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Ban quản lý

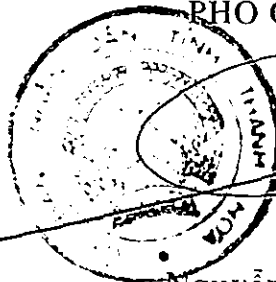
Quy Bảo vệ phát triển rừng và phòng chống thiên tai tại tỉnh Thanh Hóa; Chi cục trưởng Chi cục Biên và Hải đảo tỉnh Thanh Hóa, Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.



Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC Thn201786 (15).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

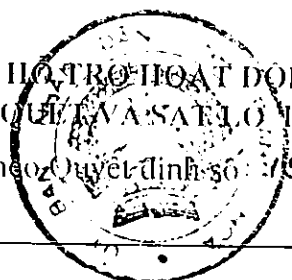


Nguyễn Đức Quyền

Phụ biểu:

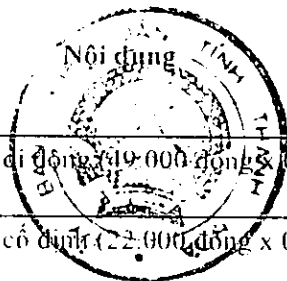
DỰ TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG TRUNG TÂM THU NHẬN SỐ LIỆU, TÍNH TOÁN, XỬ LÝ CẢNH BÁO LŨ ÓNG,
LŨ QUẢ VÀ SÁT LŨ ĐẶT TẠI CÁC HUYỆN MIỀN NÚI TỈNH THANH HOÁ, NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số: 1097/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)



Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán đơn vị đề nghị	Dự toán thẩm định, phê duyệt				Ghi chú
			ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
Tổng cộng:		802.220.342				680.046.517	
Làm tròn số:						680.000.000	
1	Kinh phí hoạt động 15 trạm đo mưa được lắp đặt tại 15 xã thuộc 03 huyện: Quan Hoá, Quan Sơn và Mường Lát	355.840.000				345.840.000	
1.1	Tin nhắn: 10 phút/01 tin/trạm x 24giờ (144 tin) x 200 đồng/tin/ngày/trạm x 15 trạm = 432.000 đồng/ngày	51.840.000	Tin nhắn	120	432.000	51.840.000	
1.2	Công tác duy tu, bảo dưỡng định kỳ: 2 lần/năm/trạm x 15 trạm = 30 lần/năm vào đầu và cuối mùa mưa hàng năm (Kiểm tra, bảo dưỡng toàn bộ các sensor, Datalogger, thiết bị báo động, Pin mặt trời, Ấc quy. . .)	70.000.000		30	2.000.000	60.000.000	
1.3	Tiền trông coi, bảo vệ trạm đo mưa (Tiền trông coi, bảo vệ cho 01 trạm đo mưa được tính bằng một tháng lương cơ bản x 12 tháng x 1.300.000 đồng = 15.600.000 đồng)	234.000.000	Trạm	15	15.600.000	234.000.000	
2	Kinh phí làm việc ngoài giờ cho Tổ quản lý, vận hành Trung tâm từ 15/6-15/10/2017.	333.528.342				324.354.517	
1.1	Ngày trực bình thường	165.128.850	Ngày	85	1.834.765	155.955.025	
1.2	Ngày trực nghỉ hàng tuần	161.778.384	Ngày	36	4.493.844	161.778.384	
1.3	Ngày trực nghỉ lễ	6.621.108	Ngày	1	6.621.108	6.621.108	
3	Kinh phí in ấn thông báo, chuyên bản tin, fax, điện thoại, điện sáng	7.852.000				4.852.000	
1.1	Kinh phí mua 01 điện thoại di động cho Tổ trưởng tổ vận hành	3.000.000	Máy				



Số TT		Dự toán đơn vị đề nghị	Dự toán thẩm định, phê duyệt				Ghi chú
			DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
1,2	Kinh phí thuê bao điện thoại di động (19.000 đồng x 01 máy x 12 tháng = 588.000 đồng)	588.000	Thuê bao	1	588.000	588.000	
1,3	Kinh phí thuê bao điện thoại cố định (22.000 đồng x 01 máy x 12 tháng = 264.000 đồng)	264.000	Thuê bao	1	264.000	264.000	
1,4	Kinh phí cước điện thoại di động, điện thoại bàn, điện sáng (Khoảng: 1.000.000 đồng/tháng x 4 tháng = 4.000.000 đồng)	4.000.000		1	4.000.000	4.000.000	
4	Kinh phí hoạt động trang Web	5.000.000	Năm	1	5.000.000	5.000.000	
5	Kinh phí dự phòng	100.000.000					
	Mua các thiết bị dự phòng cho cả hệ thống cảnh báo lũ ống, lũ quét (15 trạm đo mưa trên địa bàn 03 huyện: Quan Hoá, Quan Sơn và Mường Lát và Trung tâm tại Sở Tài nguyên và Môi trường)	100.000.000	Năm				

XTM